TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:91/2023/DS-ST
Ngày 09 tháng 8 năm 2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần;
- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Xuân Trường
2- Ông Lê Thanh Miện

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023. Về việc "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95c/2023/QĐXX -DS ngày 10/07/2023; Quyết định hoãn phiên tòa 109/2023/QĐST-HPT ngày 26/07/2023

* ***Nguyên đơn***: Ông Đồng Văn D, sinh năm 1970 và bà Phạm Thi L, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Hợp Th, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

** Người đại diện theo uỷ quyền của ông Dũng, bà Liễu:*

+ Ông Vũ Văn X, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu Phương Vỹ, phường Vũ N, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N

+ Ông Trần Tuấn L, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu 2, phường Suối Hoa, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Dõng, xã Hương G, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

+ Bà Nguyễn Thuỳ D, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn Trạm Trai, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* ***Bị đơn***: Bà Ngọ Thị S, sinh năm 1967(Có đơn xin vắng mặt khi xét xử)
Ông Tạ Văn V, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt khi xét xử).

Cùng địa chỉ: Chợ Dật, thôn Trung Tâm, xã Hợp Th, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/02/2023; bản tự khai; Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền cảu nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông và vợ chồng anh Tạ Văn V, chị Ngọ Thị S là chỗ quen biết. Vợ chồng ông có cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi, vợ chồng anh V; chị S đến mua cám về chăn nuôi nhiều lần, có lần thì thanh toán ngay, có lần thì chưa thanh toán tiền. Những lần vợ chồng anh V; chị S chưa thanh toán tiền thì vợ chồng ông đều ghi sổ sách theo dõi đầy đủ. Đến ngày 02/8/2018, vợ chồng ông và chị S đã chốt nợ với nhau. Tổng số tiền vợ chồng anh V; chị S nợ là 27.650.000 đồng. chị S là người ký chốt nợ. Vợ chồng ông Dũng, bà Liễu đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh V; chị S cứ khất không trả, nên vợ chồng ông đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa yêu cầu vợ chồng anh V; chị S phải trả số tiền nợ mua cám chăn nuôi là 27.650.000 đồng và yêu cầu vợ chồng anh V; chị S phải trả số tiền lãi là 10% tính từ ngày 07/01/2019 (Dương lịch) cho đến ngày xét xử tính chòn là 53 tháng = 12.212.000 đồng.

Tổng số tiền ông Dũng, bà Liễu yêu cầu anh V, chị S phải trả là 39.862.000 đồng trong đó (tiền gốc là 27.650.000 đồng; Tiền lãi là 12.212.000 đồng).

Do điều kiện công việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt khi xét xử.

Bị đơn là anh Tạ Văn V; chị Ngọ Thị S tại biên bản ghi lời khai ngày 12/4/2023 trình bày: Vợ chồng anh và gia đình ông Dũng, bà Liễu có mối quan hệ quen biết nhau. Gia đình ông Dũng, bà Liễu buôn bán thức ăn chăn nuôi nên gia đình anh có mua cám của gia đình ông Dũng, bà Liễu về để chăn nuôi từ năm 2015 gia đình anh có mua nhiều lần, có lần bà thanh toán, có lần chưa thành toán. Đến tháng 02/12/2018 giữa vợ chồng anh và ông Dũng, bà Liễu có chốt nợ với nhau thì vợ chồng anh, chị, còn nợ ông Dũng, bà Liễu tổng số tiền là 27.650.000 đồng, do điều kiện chăn nuôi thua lỗ vợ chồng anh chưa thanh toán trả được số tiền trên, vợ chồng ông Dũng, bà Liễu có đến đòi nhưng gia đình anh chưa thanh toán được. Nay ông Dũng, bà Liễu yêu cầu bà trả số tiền 27.650.000 đồng thì vợ chồng anh đồng ý trả, nhưng vợ chồng anh đề nghị cho vợ chồng anh xin được trả dần.

Về lãi suất: thì anh không đồng ý trả vì khi mua cám thì đã được tính lãi rồi.

Do điều kiện công việc anh, chị có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến; về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 430; Điều 431, Điều 433; Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn Dũng và bà Phạm Thị Liễu.

Buộc anh Tạ Văn V, chị Ngọ Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đồng Văn Dũng và bà Phạm Thị Liễu tổng số tiền còn nợ là 39.862.000 đồng trong đó (tiền gốc là 27.650.000 đồng; Tiền lãi là 12.212.000 đồng).

2. Về án phí: anh Tạ Văn V, chị Ngọ Thị S phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1.993.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Dũng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]- Về tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt khi xét xử; Bị đơn anh Tạ Văn V, chị Ngọ Thị S có đơn xin vắng mặt khi xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự, để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Tạ Văn V, chị Ngọ Thị S đã được triệu tập và thông báo về phiên hòa giải hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Về phiên họp: Tòa án đã tống đạt hợp lệ phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ tại phiên họp, Bị đơn vắng mặt Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt đương sự đối với bị đơn anh Tạ Văn V, chị Ngọ Thị S là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2.1. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Tạ Văn V, chị Ngọ Thị S phải trả số tiền còn nợ mua cám chăn nuôi tổng số tiền còn nợ là 39.862.000 đồng trong đó (tiền gốc là 27.650.000 đồng; Tiền lãi là 12.212.000 đồng).Các bên khi mua bán hàng hóa, tuy không làm hợp đồng mua bán, nhưng có thỏa thuận với nhau về việc mua bán và đã chốt nợ với nhau đối với số tiền còn nợ. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, nên xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

2.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn: Các đương sự không ai có ý kiến xem xét về thời hiệu.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu bị đơn anh Tạ Văn V, chị Ngọ Thị S phải trả số tiền còn nợ mua cám còn nợ tổng số tiền còn nợ là 39.862.000 đồng trong đó (tiền gốc là 27.650.000 đồng; Tiền lãi là 12.212.000 đồng).

HĐXX thấy rằng: Qua các lời khai của đương sự nguyên đơn; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn và các tài liệu chứng cứ thể hiện giữa các bên có chốt nợ với nhau tiền mua cám, số tiền mua cám còn nợ là tiền gốc là 27.650.000 đồng là có thật. Bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền trên, nhưng do làm ăn chăn nuôi thua lỗ, nên chưa có tiền để trả, xin được trả dần, do vậy yêu cầu khởi kiện của ông Dũng và bà Liễu là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn: Yêu cầu tính lãi là 10%/năm kể từ ngày chốt nợ ngày 02/12/2018 (âm lịch) từ ngày 07/01/2019 dương lịch đđến ngày xét xử tình chòn là 53 tháng = 12.212.000 đồng; Bị đơn không đồng ý việc trả lãi. HĐXX nhận thấy việc giao kết mua bán hàng hóa giữa các bên không có thỏa thuận với nhau về thời hạn trả, phương thức thanh toán, không có thỏa thuận với nhau về lãi, tuy nhiên theo lời khai của đương sự kể từ thời điểm chốt nợ nguyên đơn ông Dũng và bà Liễu đã đến đòi nhiều lần nhưng anh V và chị S không trả và khất nợ nhiều lần. Theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự, thì bên mua phải có trách nhiệm thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản, vậy anh V và chị S vi phạm không trả tiền cho bên bán là vi phạm về nghĩa vụ trả tiền, như vậy kể từ thời điểm chốt nợ ngày 07/01/2019 dương lịch khi hai bên chốt nợ mua bán hàng hóa với nhau thì bên mua hàng hóa là anh V và chị S đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bà bị đơn phải trả lãi là 10% trên năm, tổng số tiền lãi là 12.212.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tổng số tiền anh V và chị S phải trả cho vợ chồng ông Dũng; bà Liễu cả gốc và lãi là là 39.862.000 đồng trong đó (tiền gốc là 27.650.000 đồng; Tiền lãi là 12.212.000 đồng).

Từ những phân tích đánh giá nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh V, chị S phải trả số tiền còn nợ cả gốc và lãi là 39.862.000 đồng trong đó (tiền gốc là 27.650.000 đồng; Tiền lãi là 12.212.000 đồng).

[5]- Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Dũng và bà Liễu không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Dũng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với Thẩm phán,Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[6]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 430; Điều 431, Điều 433; Khoản 3 Điều 440; khoản 1 Điều 357; Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn Dũng và bà Phạm Thị Liễu.

Buộc anh Tạ Văn V, chị Ngọ Thị S phải có nghĩa vụ trả cho ông Đồng Văn Dũng và bà Phạm Thị Liễu tổng số tiền còn nợ là 39.862.000 đồng trong đó (tiền gốc là 27.650.000 đồng; Tiền lãi là 12.212.000 đồng).

2. Về án phí: anh Tạ Văn V, chị Ngọ Thị S phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1.993.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Đồng Văn Dũng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 950.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002550 ngày 15/3/2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDT. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thanh Thuần